

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TÀI LIỆU**  
**CÔNG BỐ CÔNG KHAI**  
**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**NĂM 2016**

Tháng 1 năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA

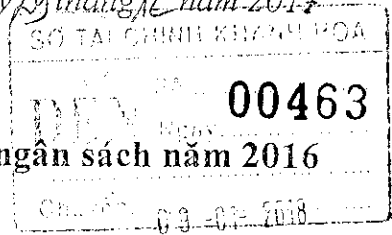
Số 1066/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2016



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VI, kỳ họp thứ 5 về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương (NSDP) năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2016 gồm có 11 biểu đính kèm (từ biểu số 10/CKTC-NSDP đến biểu số 20/CKTC-NSDP).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Mặt trận TQ và các đoàn thể ở tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VP UBND tỉnh, Sở Tài chính.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Sơn Hải

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016**  
(Kèm theo Quyết định số 1066/UBND-QĐ ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>18.192.118</b>
<b>I</b>	<b>Thu phát sinh trên địa bàn</b>	<b>18.189.409</b>
1	Thu nội địa	12.038.368
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	5.837.102
3	Thu từ ngoài cân đối ngân sách	218.212
4	Các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý NSNN	95.727
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>2.709</b>
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>15.116.392</b>
1	Thu cân đối ngân sách	14.772.082
a	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	9.758.534
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	3.434.898
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ %	6.323.636
b	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	844.310
	- Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước	798.537
	- Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước	45.773
c	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	2.856.069
d	Thu kết dư ngân sách năm trước	923.169
đ	Huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 luật NSNN	390.000
	- Tam ứng vốn Kho bạc nhà nước	390.000
	- Vay vốn ưu đãi của Ngân hàng Phát triển	
	- Huy động từ nguồn ứng trước Bắc bán đảo Cam Ranh	
2	Thu viện trợ	2.709
3	Thu ngoài cân đối	245.874
	<i>Trong đó chuyển nguồn vốn xổ số kiến thiết</i>	27.662
4	Các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý NSNN	95.727
<b>C</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>13.954.163</b>
<b>1</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>13.630.413</b>
a	Chi đầu tư phát triển	3.625.314
b	Chi thường xuyên	5.324.138
c	Chi trả nợ cả gốc và lãi các khoản tiền huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN	1.245.247
d	Dự phòng chi	0
đ	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.170
e	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	0
f	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau	3.434.544
<b>2</b>	<b>Các khoản chi ngoài cân đối</b>	<b>228.023</b>
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại đơn vị quản lý qua NSNN</b>	<b>95.727</b>

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
VÀ NGÂN SÁCH CỦA HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2016**  
(Kèm theo Quyết định số 10066 /UBND-QĐ ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN
A	B	2
A	<b>Ngân sách cấp tỉnh</b>	
I	<b>Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>11.172.216</b>
1	Thu cân đối ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	6.835.738
	- Các khoản thu NS cấp tỉnh hưởng 100%	1.503.649
	- Các khoản thu phân chia ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ %	5.332.089
2	Bổ sung từ ngân sách trung ương	844.310
	- Bổ sung cân đối	
	- Bổ sung có mục tiêu	844.310
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 theo Luật NSNN	390.000
	- Tạm ứng vốn Kho bạc nhà nước	390.000
	- Vay vốn ưu đãi của Ngân hàng Phát triển	
	- Huy động từ nguồn ứng trước Bắc bán đảo Cam Ranh	
4	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	2.212.581
5	Thu cấp dưới nộp lên cấp trên	238.006
6	Thu kết dư ngân sách năm trước	364.619
7	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	
8	Thu viện trợ	2.709
9	Thu ngoài cân đối ngân sách	232.902
	<i>Trong đó chuyển nguồn vốn xã số kiến thiết</i>	<i>27.662</i>
10	Các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý NSNN	51.351
II	<b>Chi ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>10.567.580</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách địa phương cấp dưới trực tiếp)	5.629.733
2	Chi chuyển nguồn	2.109.221
3	Bổ sung cho ngân sách cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	2.548.082
	- Bổ sung cân đối	898.205
	- Bổ sung có mục tiêu	1.649.877
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.170
5	Các khoản chi ngoài cân đối	228.023
6	Chi từ nguồn thu để lại đơn vị quản lý qua NSNN	51.351
7	Chi nộp ngân sách Trung ương	0
8	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	
B	<b>Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</b>	
I	<b>Thu ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</b>	<b>6.730.264</b>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	2.922.796
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	1.931.249
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ %	991.547
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	2.548.082
	- Bổ sung cân đối	898.205
	- Bổ sung có mục tiêu	1.649.877
3	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	
3	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	643.488
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	558.550
6	Các khoản thu ngoài cân đối	12.972
7	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	44.376
II	<b>Chi ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</b>	<b>6.172.671</b>
	Trong đó: Chi từ nguồn thu để lại đơn vị quản lý qua NSNN	44.376

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số ~~1066~~ 1066/UBND-QĐ ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung		Quyết toán
1		4
<b>Tổng số phát sinh trên địa bàn (A+B+C)</b>		<b>18.189.409</b>
<b>A</b>	<b>Tổng các khoản thu cân đối NSNN (I+II)</b>	<b>17.875.470</b>
<b>I</b>	<b>Thu từ SXKD trong nước</b>	<b>12.038.368</b>
<b>1</b>	<b>Thu từ DNNN Trung ương</b>	<b>516.456</b>
1.1	Thuế GTGT hàng SXKD trong nước	376.409
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	118.987
1.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	552
1.4	Thuế tài nguyên	18.221
1.5	Thuế môn bài	463
1.6	Thu hồi vốn và thu khác từ DNNN TW	1.824
<b>2</b>	<b>Thu từ DNNN địa phương</b>	<b>3.677.094</b>
	<i>Trong đó: - TCT Khánh Việt</i>	<i>3.231.356</i>
	<i>- Các doanh nghiệp còn lại</i>	<i>445.738</i>
2.1	Thuế GTGT hàng SXKD trong nước	701.903
2.2	Thuế TTĐB hàng SX trong nước	2.695.201
2.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	242.725
2.5	Thuế tài nguyên	35.414
2.6	Thuế môn bài	396
2.7	Thu hồi vốn và thu khác từ DNNN ĐP	1.455
<b>3</b>	<b>Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài</b>	<b>340.968</b>
3.1	Thuế GTGT hàng SXKD trong nước	157.586
3.2	Thuế TTĐB hàng SX trong nước	35.410
3.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.206
3.4	Thuế tài nguyên	8.942
3.5	Thuế môn bài	260
3.6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	5.066
3.7	Thu khác từ DN có vốn ĐTNN	17.498
<b>4</b>	<b>Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh</b>	<b>2.781.909</b>
4.1	Thuế GTGT hàng SXKD trong nước	1.698.144
4.2	Thuế TTĐB hàng SX trong nước	35.327
4.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	879.496
4.4	Thuế tài nguyên	54.602
4.5	Thuế môn bài	33.517
4.6	Thu khác từ CTN ngoài quốc doanh	80.823
<b>5</b>	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>	<b>768</b>
<b>6</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>551.279</b>
<b>7</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>346.945</b>
<b>8</b>	<b>Thuế bảo vệ môi trường</b>	<b>605.512</b>
<b>9</b>	<b>Thu phí, lệ phí</b>	<b>467.930</b>
9.1	Thu phí, lệ phí Trung ương	327.024
9.2	Thu phí, lệ phí tỉnh	46.747
9.3	Thu phí, lệ phí huyện	77.308
9.4	Thu phí, lệ phí xã	16.851
<b>10</b>	<b>Các khoản thu về nhà, đất</b>	<b>2.231.298</b>
10.1	Thuế sử dụng đất phi NN	13.122
10.2	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	54
10.3	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	759.234
	<i>- Ghi thu, ghi chi</i>	<i>192.521</i>
	<i>- Thu phát sinh</i>	<i>566.713</i>
10.4	Thu tiền sử dụng đất và giao đất trồng rừng	1.445.205
	<i>- Ghi thu, ghi chi</i>	<i>532.582</i>
	<i>- Thu phát sinh</i>	<i>912.623</i>

Nội dung		Quyết toán
10.5	Thu tiền bán nhà và thuê nhà ở thuộc SHNN	13.683
<b>11</b>	<b>Thu tại xã</b>	<b>34.798</b>
11.1	Thu từ quỹ đất công ích và đất công của xã	22.586
	<i>Trong đó: thu đền bù thiệt hại khi bị NN thu hồi đất</i>	<i>4.001</i>
11.2	Thu hồi khoản chi năm trước của xã	252
11.3	Thu phạt, tịch thu của xã (Ko kể phạt ATGT, lâm, clậu)	3.166
11.4	Phạt an toàn giao thông	55
11.5	Phạt kiểm lâm	0
11.6	Thu tiền bán cây đứng	0
11.7	Thu tiền cho thuê quầy bán hàng của xã	430
11.8	Thu khác còn lại của xã	8.309
<b>12</b>	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>219.245</b>
12.1	Các khoản phụ thu (ko kể thu chênh giá hàng XK)	0
12.2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công (tỉnh + huyện)	0
12.3	Thu phạt (ko kể phạt ATGT, k.lâm, phạt tại xã)	23.501
12.4	Phạt an toàn giao thông	46.077
12.5	Phạt vi phạm về trồng và bảo vệ rừng	2.726
12.6	Thu tịch thu (ko kể TTclậu, tịch thu tại xã)	1.511
12.7	Tịch thu chống lậu	5.339
12.8	Thu tiền bán cây đứng	2.084
12.9	Thu bán tài sản	13.909
12.10	Thu thanh lý nhà làm việc	61
12.11	Thu hồi khoản chi năm trước	59.183
12.12	Thu tiền cho thuê quầy	245
12.13	Thu nhập từ vốn góp của nhà nước	18.667
12.14	Thu khác còn lại (ko kể thu khác tại xã)	45.942
<b>13</b>	<b>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</b>	<b>40.339</b>
<b>14</b>	<b>Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế</b>	<b>223.827</b>
<b>II</b>	<b>Thu XK, NK, TTĐB, GTGT hàng NK do hải quan thu</b>	<b>5.837.102</b>
1	Thuế xuất khẩu	37.666
2	Thuế nhập khẩu	2.176.775
3	Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	1.199.698
4	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.236.450
5	Thuế bảo vệ môi trường	181.849
6	Thu khác	4.664
<b>B</b>	<b>Thu ngoài cân đối</b>	<b>218.212</b>
<b>I</b>	<b>Thu số xổ kiến thiết</b>	<b>205.240</b>
1	Thuế giá trị gia tăng	62.902
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.806
3	Thu nhập sau thuế TNDN	44.915
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	85.599
5	Thuế môn bài	18
<b>II</b>	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>12.972</b>
1	Thu đóng góp quỹ hỗ trợ xuất khẩu	0
2	Các khoản huy động đóng góp XDCSHT	10.329
3	Các khoản huy động đóng góp khác	2.643
<b>C</b>	<b>Các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý NSNN</b>	<b>95.727</b>
3.1	Học phí	85.991
3.2	Các khoản phí và lệ phí	2.687
3.3	Các khoản thu khác	7.049
	<b>Thu cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>15.116.392</b>
<b>A</b>	<b>Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>14.799.744</b>
1	Các khoản thu NSĐP hưởng theo tỷ lệ phân chia	3.434.898
2	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	6.323.636
4	Thu bổ sung NSTW	844.310
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	923.169
6	Thu chuyển nguồn	2.883.731
7	Thu huy động đư theo K3Đ8 của Luật NSNN	390.000
<b>B</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>2.709</b>
<b>C</b>	<b>Thu ngoài cân đối ngân sách</b>	<b>218.212</b>
<b>D</b>	<b>Các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý NSNN</b>	<b>95.727</b>

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số 4066 /UBND-QĐ ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	<b>Tổng cộng (A+B+C+D)</b>	<b>17.596.969</b>
<b>A</b>	<b>Chi cân đối ngân sách</b>	<b>13.630.413</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.625.314</b>
	Trong đó:	0
1	Chi giáo dục- đào tạo và dạy nghề	378.015
2	Chi khoa học và công nghệ	8.486
<b>II</b>	<b>Chi trả nợ vốn huy động đầu tư theo khoản 3- Điều 8 luật NSNN</b>	<b>1.245.247</b>
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.324.138</b>
	Trong đó:	0
1	Chi giáo dục- đào tạo và dạy nghề	2.005.413
2	Chi khoa học và công nghệ	22.883
3	Chương trình MTQG (Vốn SN)	1.234
<b>IV</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>0</b>
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.170</b>
<b>VI</b>	<b>Nguồn thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>0</b>
<b>VII</b>	<b>Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau</b>	<b>3.434.544</b>
<b>B</b>	<b>Các khoản chi ngoài cân đối</b>	<b>228.023</b>
1	Chi từ nguồn XSKT	228.023
2	Các khoản chi khác	0
<b>C</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại đơn vị quản lý qua NSNN</b>	<b>95.727</b>
<b>D</b>	<b>Chi chuyển giao</b>	<b>3.642.806</b>
1	Bổ sung cho ngân sách cấp dưới	3.399.124
2	Chi nộp ngân sách cấp trên	243.682

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	<b>Tổng chi ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>10.567.580</b>
<b>A</b>	<b>Chi cân đối ngân sách</b>	<b>7.740.124</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.605.663</b>
<b>II</b>	<b>Chi trả nợ gốc và lãi vay (K3 Đ.8 Luật NSNN)</b>	<b>1.245.247</b>
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>1.778.823</b>
1	Trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách	7.288
2	Chi sự nghiệp kinh tế	227.250
3	Chi SN môi trường	16.384
4	Chi SN giáo dục đào tạo và dạy nghề	373.635
5	Chi sự nghiệp y tế	527.634
6	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	22.216
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	37.967
8	Chi SN phát thanh truyền hình	1.142
9	Chi SN thể dục thể thao	39.043
10	Chi đảm bảo xã hội	52.877
11	Chi quản lý hành chính	314.712
12	Chi an ninh quốc phòng	80.879
13	Chi khác	76.562
14	Chi quỹ thi đua khen thưởng cấp huyện và cấp xã	
15	Chương trình mục tiêu quốc gia - Vốn sự nghiệp	1.234
<b>IV</b>	<b>Dự phòng chi</b>	
<b>V</b>	<b>Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.170</b>
<b>VI</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	<b>2.109.221</b>
<b>B</b>	<b>Chi ngoài cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>228.023</b>
1	Chi từ nguồn XSKT	228.023
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí và thu khác	
<b>C</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ QUẢN LÝ QUA NSNN</b>	<b>51.351</b>
<b>D</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>	<b>2.548.082</b>

UY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA

Mẫu số 16/CKTC-NSDP

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2016  
(Kèm theo Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 11/11/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
1	2	3	4	5	6	7	8	14
	<b>TỔNG CỘNG</b>					31.277	3.365.078	2.764.515
<b>I</b>	<b>NGUỒN XDCB</b>				13.448.464	3.729	899.853	721.557
<b>A</b>	<b>Chuyên tiếp</b>				12.453.975	3.729	801.109	618.578
<b>1</b>	<b>- Ngành Hạ tầng kinh tế</b>				1.135		497	494
	<i>Dự án nhóm C</i>				1.135		497	494
	- Hệ thống điện chiếu sáng công cộng từ nhà ông Nguyễn Hoà đến Lê công Minh	CL	01/01/2015 - 31/12/2015		1.135		494	494
<b>2</b>	<b>- Ngành Nông nghiệp và Lâm nghiệp</b>				93.406		237	157
	<i>Dự án nhóm C</i>				93.406		237	157
	- Phục hồi và PT rừng ngập mặn ven biển tỉnh Khánh Hoà gđ 2011-2015	-					3	3
	- Phát triển giống hoa lan nhiệt đới	CL	-		21.950		154	154
	- Trồng, chăm sóc bảo vệ rừng ngập mặn ứng phó với biến đổi khí hậu tp Nha Trang		01/01/2015 - 31/12/2020		71.456			
<b>3</b>	<b>- Ngành Thủy sản</b>				393.416		6.580	47.856
	<i>Dự án nhóm B</i>				300.000		6.455	47.731
	- Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững	toàn tỉnh	01/01/2013 - 31/12/2017		300.000		6.455	47.731
	<i>Dự án nhóm C</i>				93.416		125	125
	- Đường cơ động và bến cầu tàu xã đảo Cam Bình	CR	-		93.416		125	125
<b>4</b>	<b>- Ngành Công nghiệp</b>				26.274		18.891	18.766
	<i>Dự án nhóm C</i>				26.274		18.891	18.766
	- Chuẩn bị mặt bằng xây dựng nhà máy bia Sài Gòn	DK	01/01/2014 - 31/12/2016		21.152		18.891	18.766
<b>5</b>	<b>- Ngành Giao thông vận tải</b>				6.310.064		420.792	254.835
	<i>Dự án nhóm B</i>				5.313.105		335.481	173.324
	- Đường Phong Châu	NT	01/01/2014 - 31/12/2017				79.916	63.419
	- Đường Phạm Văn Đồng(D2)-huyện CL	CL	01/01/2013 - 31/12/2015		56.847		1.569	1.569
	- NC Hương lộ 39(gđ 1: đoạn từ ngã giao với đường Diên Khánh- Khánh Vĩnh đến giáp đường dẫn cầu Phú Cốc)	DK	01/01/2011 - 31/12/2016		88.299		17.226	16.793
	- TDA:GPMB thuộc DA c/ tạo, NCML GTMT-ADBS	-					5	5
	- Đường Nha Trang đi Đà Lạt(CBQ-Cầu Lùng)	NT	01/01/2014 - 31/12/2018		1.418.105		226.435	91.097
	- HT đường nhánh khu DLBBĐCR 1/2 phía bắc(gđ 1)							441
	<i>Dự án nhóm C</i>				996.959		85.311	81.511
	- Đường Kg khu trung tâm hành chính phường Ninh Giang	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		3.993		1.341	1.341

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết năm độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết năm độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Đường giao thông Tô dân phố Phú Thọ 3, đoạn từ nhà ông Lê Pháy đến nhà ông Hà Giáp, đoạn từ nhà ông Hà Giáp đến nhà ông Ngô Trung Tuấn	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		1.957		1.004	1.004
	- Đường từ nhà ông Nam đến bờ sông Cái xã Diên Đồng		-		993		900	884
	- Đường giao thông Tô dân phố Phú Thọ 2, đoạn từ Tinh lộ 1B đến nhà ông Đặng Hồng Kỳ, đoạn từ nhà ông Đặng Hồng Kỳ đến nhà ông Lê Hữu Lượng, đoạn từ đường BTXM Phú Thọ 2 đến nhà ông Nguyễn No	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		3.709		1.545	1.545
	- Đường từ nhà ông Phong đến cầu Treo xã Diên Đồng		-		831		530	516
	- Nâng cấp đường rẫy ông Nguyễn Minh đến rẫy ông Trần Hữu Chuân	KV	01/01/2015 - 31/12/2016		958		670	670
	- Tuyến đường từ QL 1A vào cụm chăn nuôi Khatoco	NH	01/01/2012 - 31/12/2015		28.536		3.398	3.274
	- Cổng trên đường liên thôn Hòn Lay - Ba Càng xã Khánh Hiệp	KV	01/01/2016 - 31/12/2016					
	- Đường Nguyễn Huệ(ĐT,651C)		-		43.905		244	244
	- SC cầu Máng Đông Giũa, xã Ninh Quang		-		1.201		1.143	1.143
	- Đường từ nhà ông Đình Văn Tuấn đến đường Thống Nhất nối dài xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	VN	01/01/2015 - 31/12/2015		886		559	552
	- Đường BTXM từ đường đô thị - nhà ông Bá - bà Mão	DK	01/01/2016 - 31/12/2016		1.033		680	663
	- Đầu tư xây dựng và nâng cấp một số tuyến đường chính, gồm các tuyến đường tại khóm 3-thị trấn Khánh Vĩnh, HM: Đường Ngô Gia Tự	KV	01/01/2013 - 31/12/2015		8.861		800	800
	- SC cầu Cam Hải, huyện Cam Lâm	CL	01/01/2016 - 31/12/2016		1.636		1.540	1.540
	- Đường vào Đình Võ Tá	CR	01/01/2015 - 31/12/2016		2.008		1.400	1.365
	- Cầu Hiền Lương 2	VN	01/01/2012 - 31/12/2015		65.322		5.477	5.453
	- Đường giao thông Tô dân phố Phú Thọ 1, đoạn từ Tinh lộ 1A đến Trạm hạ áp, đoạn từ nhà ông Trương Đệ đến giáp Trường TH Ninh Diêm	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		1.959		1.006	1.006
	- Tuyến H8 đất ông Trịnh Văn Thành đến điểm giũa T6(đường nước nóng-Y bảo)	KV	01/01/2015 - 31/12/2016		1.158		810	810
	- Đường dân sinh thôn Tân An, xã Cam An Bắc		-		1.307		22	22
	- Cầu vào khu sx Gia Lồ, xã Sơn Thái, huyện KV		-		4.997		1.410	980
	- Nâng cấp nối tiếp đường từ nhà sinh hoạt cộng đồng Suối Lách vào khu Ba Thác	KV	01/01/2016 - 31/12/2016					
	- MR đường TL 9 nối xã Ba Cùm Bắc đến TT Tô Hạp(gđ 2)		-		7.178		735	735
	- Đường số 4 (đoạn từ đường số 23 - 28) - KDC phía Tây Lê Hồng Phong	NT	01/01/2013 - 31/12/2015					
	- Đường Nguyễn Khuyến (đoạn từ cổng bệnh viện Da Liễu đến đường sắt)	NT	01/01/2014 - 31/12/2015		4.834		1.222	1.222

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết năm 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết năm 2016	Quyết toán năm 2016
	- Đường từ nhà ông Đặng Bìa Giáp GTNT 2, xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	VN	01/01/2015 - 31/12/2015		921		345	345
	- Đường Lý Thái Tổ(N2) thuộc hệ thống trục đường giao thông chính KV Trung tâm HC huyện Cam Lâm		-				3	3
	- Đường BTXM Tô dân phố Thủy Đầm - Mỹ Lương từ nhà ông Châu đến trại tôm Vân Tuy	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		1.063		476	476
	- Đường số 2 xã Cam Thành Bắc		-		1.180		1.100	1.082
	- Dự án NC, MR Đường TL 3 (từ Nghĩa trang-QL1A)		-		4.737		2.720	2.720
	- Đường từ đất ông Xinh đến đất ông Năm	DK	01/01/2016 - 31/12/2016		965		449	449
	- Đường bê tông nhựa N5, đoạn từ QL1A đến đường Hồ Tùng Mậu	NH	01/01/2014 - 31/12/2014		4.847		1.283	1.283
	- Cầu vượt lữ đường Cao Mổ Xê	KV	01/01/2015 - 31/12/2016		1.063		740	740
	- Đường D1 (đường quy hoạch đô thị Suối Tân), xã Suối Tân (giai đoạn 3)		-		8.681		4.933	4.933
	- Đường vào khu SX Ma Lý Thượng đoạn từ suối 2 đến nhà ông Nguyễn Văn Lực, thôn Tà Mỏ, xã Khánh Thành	KV	01/01/2015 - 31/12/2016		3.051		2.100	2.100
	- Đường số 20 ( phía Nam ) thôn Vĩnh Đông xã C.A.Nam	CL	01/01/2016 - 31/12/2016		2.996		1.093	100
	- Đường Tà Giang 2 đi khu sản xuất		-		2.725		705	705
	- Đường số 28 khu Tây Lê Hồng Phong-TP Nha Trang	NT	01/01/2013 -				162	118
	- Đường GTNT nối dài từ nhà ông Hoan đến nhà ông Hùng, xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	VN	01/01/2015 - 31/12/2015		1.169		381	381
	- Nâng cấp, mở rộng đường Mai Xuân Thuồng		-		52.610		337	337
	- Nâng cấp đường Hai Bà Trưng	KS	01/01/2014 - 31/12/2015		6.836		2.210	2.100
	- Đường BTXM Lê Quý Đôn đoạn từ nhà ông Kha đến nhà ông Lanh	NH	01/01/2015 - 01/01/2015		4.285		2.597	2.597
	- Nâng cấp sửa chữa đường số 18 xã Cam an Nam		-		2.545		2.520	2.477
	- Đường từ cầu ông Huyền đến cầu C3, Diên Khánh	DK	01/01/2016 - 31/12/2016		973		454	454
	- Đầu tư xây dựng và nâng cấp một số tuyến đường chính, gồm các tuyến đường tại Khóm 3-thị trấn Khánh Vĩnh, HM: Đường 2 tháng 8 nối dài &#39;đoạn từ trường Sao Mai đến đường Cầu Lùng-Khánh Lê	KV	01/01/2013 - 31/12/2015				924	924
	- Đường vào khu sx và tạo thêm quỹ đất phục vụ đồng bào DTTS thôn Chi Chay		-		1.248		106	106
	- Nâng cấp tuyến 2- Đường đi nghĩa địa xã	KV	01/01/2015 - 31/12/2016		736		510	510
	- Nâng cấp Đường Tô Vĩnh Diện	KV	01/01/2015 - 31/12/2015		1.189		446	446
	- Đường dọc ga Đại Lãnh, xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh		01/01/2015 - 31/12/2015		1.122		352	352

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Đường số 4 khu dân cư Tây Lê Hồng Phong(đoạn từ số 23 đến đường số 28)-gđ I		-				59	35
	- Đường ra Đầm Môn (đoạn II)	VN	01/01/2007 - 31/12/2012		57.752		5.617	5.617
	- Đường vào khu du lịch Ba Hồ	NH	01/01/2015 - 31/12/2016		13.000		3.571	3.510
	- Đường BTXM phường Ninh Hải, đoạn từ Tỉnh lộ 1A đến nhà ông Nguyễn Ái	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		5.460		3.322	3.322
	- Đường BTXM từ Cầu ông Xuân - Mương cấp I	DK	01/01/2016 - 31/12/2016		1.177		682	663
	- Đường từ QL 1A- Sông Kinh	DK	01/01/2014 - 31/12/2016		7.446		1.590	1.590
	- Đường giao thông Tổ dân phố Thạnh Danh phường Ninh Diêm, đoạn từ nhà ông Châu Thanh Tùng đến giáp đường BTXM phường Ninh Hải, đoạn từ nhà ông Lê Văn Thân đến trước cổng đình Thạnh Danh	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		1.617		599	599
	- Đường dân sinh xã Cam Thành Bắc(đoạn từ QL 1A đến đồng ruộng)		-		1.090		1.037	1.037
	- Mở rộng đường vào nghĩa trang Hòn Rọ, tx Ninh Hoà	NH	01/01/2016 - 31/12/2016		1.165		810	810
	- NC Đường liên xã Sơn Trung-Sơn Hiệp	KS	01/01/2016 - 31/12/2016		3.537		995	104
	- +Đường I6/7		-				31	31
	- Nâng cấp nối tiếp đường từ cầu treo đi thôn 6 xã Khánh Nam (giai đoạn 2)	KV	01/01/2016 - 31/12/2016					
	- Đường từ nhà ông Phát đến nhà ông Phong xã Diên Đồng		-		500			
	- Đường Hàm Nghi, huyện Cam Lâm (giai đoạn 3)		01/01/2016 - 31/12/2017		5.742		2.871	2.830
	- Tuyến đường nối từ đường quy hoạch số 14 của KDC Đường Đệ ra tới đường Phạm Văn Đồng	NT	01/01/2012 - 31/12/2016		18.421		4.445	4.430
	- Đường BT nhựa đường Vạn Thiện, bó vỉa hè và mở rộng ngã tư Phước Sơn	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		6.509		4.056	4.056
	- Đường BTXM từ Nghĩa trang liệt sỹ huyện - nhà ông Dũng	DK	01/01/2016 - 31/12/2016		2.110		1.380	1.370
6	- <b>Ngành Hạ tầng xã hội</b>				<b>827.500</b>		<b>12.090</b>	<b>11.583</b>
	<i>Dự án nhóm A</i>				<i>11.792</i>		<i>3.687</i>	<i>3.687</i>
	- Môi trường bên vũng các Tp Duyên Hải- Tiểu dự án Tp Nha Trang	NT	01/01/2017 - 31/12/2022		11.792		3.687	3.687
	<i>Dự án nhóm B</i>				<i>706.477</i>		<i>4.820</i>	<i>4.369</i>
	- CSHT khu DC và TĐC Ninh Thủy		01/01/2010 - 31/12/2012		71.344		4.820	4.369
	<i>Dự án nhóm C</i>				<i>109.231</i>		<i>3.583</i>	<i>3.527</i>
	- GPMB khu TĐC Hòn Rổ II	NT	01/01/2012 - 31/12/2016		100.473		170	114
	- Điện chiếu sáng đường Nguyễn Công Trứ	CL	01/01/2015 - 31/12/2015		1.636		556	556
	- San nền, tường rào trụ sở làm việc UBND phường Ninh Giang	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		3.179		1.604	1.604
	- Khu tái định cư thôn Khánh Thành Bắc (Khu 1) - xã Suối Cát		-		3.943		1.253	1.253
7	- <b>Ngành Cấp nước và xử lý rác thải, nước thải</b>				<b>1.397.301</b>		<b>43.576</b>	<b>30.669</b>

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	<i>Dự án nhóm A</i>				324.571		2.250	2.113
	- Cải thiện VSMT Nha Trang	NT	01/01/2007 - 31/12/2014		324.571		2.250	2.113
	<i>Dự án nhóm B</i>				480.462		31.386	19.166
	- Hệ thống cấp nước thô Bắc Vân Phong		-		402		30	30
	- Phát triển đô thị vừa và nhỏ (vốn đối ứng)	NH-CR	01/01/2009 - 31/12/2014		197.051		13.495	3.000
	- Hệ thống cấp nước thô Nam Vân Phong		-		376		25	25
	- Hệ thống thoát nước mưa khu vực Nam Hòn Khô (gđ 2)- Tuyến T1	NT	01/01/2013 - 31/12/2017		159.608		16.669	15.001
	- Hệ thống cấp nước sinh hoạt đảo Bình Ba xã Cam Bình		-		119.043		582	582
	- Tuyến thoát nước phía Bắc khu TĐC Xóm Quán	VN	01/01/2014 - 31/12/2014		3.982		585	528
	<i>Dự án nhóm C</i>				592.268		9.940	9.390
	- Cải tạo tuyến ống và lắp đặt hệ thống lắng lọc tinh hồ chứa nước Bích Đàm	NT	01/01/2014 - 31/12/2015		35.728		1.639	1.639
	- HTCN sinh hoạt cho đồng bào ĐB DTTS xóm Mới, xóm Suối Hai, xóm Bà Hùng, Xã Cam Phước Đông		-		4.979		2.473	2.415
	- Hệ thống cấp nước Diên Xuân- Diên Lâm, huyện Diên Khánh	DK	01/01/2017 - 31/12/2019		19.124		300	300
	- Cải tạo HT thoát nước đường Nguyễn Tất Thành(đoạn cầu Bình Tân đến KDL giải trí Nha Trang		-		3.151		1.500	1.500
	- Hệ thống thoát nước từ Tây Nam 1 đến Cầu Suối Dừa xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	VN	01/01/2015 - 31/12/2015		1.028		388	388
	- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu du lịch Bắc BĐCR		-		473.311		278	241
	- Hệ thống cấp nước Diên Đồng	DK	01/01/2014 - 31/12/2015		17.344		2.707	2.707
	- Trạm xử lý nước thải và Hệ thống quan trắc nước thải tự động Cụm công nghiệp Đặc Lộc		-		5.120		200	200
<b>8</b>	<b>- Ngành Văn hóa</b>				<b>19.097</b>		<b>7.797</b>	<b>7.797</b>
	<i>Dự án nhóm C</i>				19.097		7.797	7.797
	- Nhà sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố Ngân Hà	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		1.140		460	460
	- Nhà SHCD Tổ dân phố 6- Bình Tây, phường Ninh Hải	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		1.435		441	441
	- Cải tạo Nhà khách 46 Trần Phú	NT	01/01/2015 - 31/12/2016		6.797		4.849	4.849
	- Trung tâm văn hóa thể thao Cam Lâm		-				4	4
	- Nhà SHCD Tổ dân phố 2- Đông Hải, phường Ninh Hải	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		1.437		443	443
	- Cải tạo hồ công viên Trung tâm thị trấn Khánh Vĩnh	KV	01/01/2015 - 31/12/2015		3.208		1.600	1.600
<b>10</b>	<b>- Ngành Thông tin và truyền thông</b>						<b>11</b>	<b>11</b>
	<i>Dự án nhóm QTQG</i>						11	11
	- Hệ thống kiểm tra, kiểm soát thủ tục hành chính Khánh Hòa		-				11	11
<b>11</b>	<b>- Ngành Khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin</b>				<b>32.677</b>		<b>9.568</b>	<b>8.254</b>
	<i>Dự án nhóm C</i>				32.677		9.568	8.254

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý dự án và thông tin kinh tế xã hội tỉnh KH		-		2.241		6	6
	- Công trình công an		-				2.657	1.343
	- Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa		-		8.869		18	18
	- Tin học hoá một số dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3	NT	01/01/2013 - 31/12/2015		12.896		6.729	6.729
	- Nâng cấp hệ thống Mạng diện rộng (WAN) tỉnh Khánh Hòa		-		8.671		158	158
<b>12</b>	<b>- Ngành Giáo dục và đào tạo</b>				<b>1.532.764</b>	<b>4.767</b>	<b>131.234</b>	<b>106.814</b>
	<i>Dự án nhóm B</i>				<i>816.169</i>		<i>66.805</i>	<i>48.634</i>
	- BHTT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CD Sư Phạm Nha Trang	NT	01/01/2012 - 31/12/2017		57.969		1.213	862
	- Trường MG Váng Anh		-		12.852		3.500	2.555
	- KTX Trường CD Y tế Khánh Hoà		01/01/2009 - 31/12/2014		80.687		8.605	8.605
	- Nghề trọng điểm BV MT Biển		-		26.250		20	20
	- CSHT khu DVHC nghề cá Bắc Hòn Ông	NT	01/01/2006 - 31/12/2018		562.820		18.537	2.548
	- Trường THPT Nam Nha Trang(gđ 1)	NT	01/01/2014 - 31/12/2016		68.471		34.930	34.044
	<i>Dự án nhóm C</i>				<i>716.595</i>	<i>4.767</i>	<i>64.429</i>	<i>58.180</i>
	- Chương trình đào tạo nghề 2011	NT	01/01/2016 - 31/12/2019		41.563		99	94
	- Trường TH Sơn Bình gđ 2		-		4.251		1.700	1.619
	- Trường TH Cam Nghĩa 1 (XM các phòng và các phòng chức năng)	CR	01/01/2016 - 31/12/2018		11.998		2.252	1.158
	- Trường MN Diên Toàn (khởi hành chính, 6 phòng học, sân nền, sân bê tông, cải tạo bếp ăn và nhà bảo vệ, quyết vôi cổng tường rào)		-		7.545		96	96
	- Đường Trần Tế Xương, thị trấn Cam Đức	CL	01/01/2015 - 31/12/2015		16.668		659	659
	- Trường Tiểu học Phước Hải 3		-		43.074		2.991	2.837
	- XD 8 phòng học Trường THPT Nguyễn Trãi		-					
	- Trường Tiểu học Sơn Thái (điểm Bó Lang): Xây dựng 04 phòng học + nhà hành chính và mua sắm thiết bị		-		3.681		3.191	3.191
	- Trường THCS Diên Phú		-		67.304		1.500	1.500
	- Trường TH Ninh Thọ 2		-		14.527		4.000	4.000
	- Trường TH Vạn Bình 2		-		14.996		3.300	
	- Trường THPT KV phía Bắc tx Ninh Hòa		-		71.217		11	11
	- Trường Tiểu học xã Cầu Bà		-		14.186		2.700	2.295
	- Mua sắm trang thiết bị và đồ dùng dạy học Trường CDSP Nha Trang 2013-2015		-		5.988		1.984	1.984
	- Trường THCS A. Yersin		-		7.861		1.500	1.500
	- Trường Tiểu học Khánh Thượng (điểm Suối Cát): Xây dựng 04 phòng học và mua sắm thiết bị		-		1.750	1.652	1.652	1.652
	- Trường TH Diên Điền		-		2.629		1.800	1.800
	- Trường TH Vĩnh Trung		-		38.216		1.652	1.652
	- Cải tạo SC Trường tiểu học thị trấn Diên Khánh( Cơ sở 2 Trường THPT Hoàng Hoa Thám)	DK	01/01/2014 - 31/12/2015		3.417		1.678	1.678

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết năm độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết năm độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Trường Tiểu học Khánh Đông (điểm Diên Thủy): Xây dựng 06 phòng học và mua sắm thiết bị		-		2.532		2.091	2.091
	- Trường Tiểu học Khánh Hiệp (điểm Amazon): Xây dựng bếp ăn và mua sắm thiết bị		-				670	670
	- Xây dựng mới phòng làm việc và cải tạo khu hành chính UBND phường Ninh Đa	NH	01/01/2014 - 31/12/2015		3.576		777	777
	- Đường Bà Huyện Thanh Quan, thị trấn Cam Đức	CL	01/01/2015 - 31/12/2015		17.076		509	509
	- Trường THCS Sơn Lâm(gđ 2)		01/01/2014 - 31/12/2014		5.799		245	245
	- Trường Mầm non Phước Tiến - HM: xây dựng phòng học, phòng chức năng		-		5.500		2.500	2.500
	- Trường TH & THCS Thành Sơn (điểm chính): Xây dựng 10 phòng học + nhà bếp và mua sắm thiết bị		-		5.766		5.388	5.388
	- Trường Tiểu học Khánh Trung (điểm chính): Xây dựng bếp ăn và mua sắm thiết bị		-		821		759	759
	- Trường TH Cam Thịnh 1 ( XM 02 phòng học và nhà văn phòng)		-		2.498		1.718	1.659
	- Nhà hành chính của Trường tiểu học Cam Phúc Nam	CR	01/01/2015 - 31/12/2016		2.991		1.207	1.173
	- Trường TH Ba Cùm Bắc(điểm Dốc Trâu)	KS	01/01/2014 - 31/12/2015		3.522		1.753	1.719
	- Đường Nguyễn Khuyến, thị trấn Cam Đức	CL	01/01/2015 - 31/12/2015		17.314		527	527
	- Trường Mầm non Ngọc Hiệp - HM: XDM 6 phòng học, khu hiệu bộ		-		10.000		1.500	429
	- Trường PTDNT Khánh Sơn	KS	01/01/2013 - 31/12/2016		57.201		11.621	11.609
	- Trường Tiểu học Khánh Bình (điểm Cao Mô Xê): Xây dựng 01 phòng học và mua sắm thiết bị		-		442		399	399
13	- <i>Ngành Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm</i>				898.584		10.956	4.057
	- <i>Dự án nhóm C</i>				262.904		10.956	4.057
	- Bệnh viện phồng và Da Liễu		-				190	190
	- Bệnh viện y học cổ truyền & Phục hồi chức năng, HM: Xây đoạn tường rào, Tp. Nha Trang		-				1	1
	- Bệnh viện đa khoa Khánh Sơn (có PKĐKKV Sơn Lâm)		-				116	116
	- Trạm Y tế Diên Phước, HM: Cải tạo nhà làm việc, công tường rào, sân bê tông, huyện Diên Khánh		-				1	1
	- Trạm Y tế Sông Cầu, HM: Cải tạo công tường rào, sân bê tông, huyện Khánh Vĩnh		-		400		2	2
	- Trung tâm y tế thành phố Cam Ranh, hạng mục: Cải tạo phòng điều trị Methadone (Vốn sửa chữa Y tế 2015		-		391		2	2

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa, HM: Cải tạo Khu khám bệnh (03 tầng); Khoa truyền nhiễm (03 tầng); Khu kỹ thuật (03 tầng); Khu Ung bướu (03 tầng); Khối nhà 8 tầng; Hành lang cầu nổi.		-		4.688		27	27
	- BTGT Trường CĐ Y tế Khánh Hoà-gd 2	NT	01/01/2016 - 31/12/2017		9.929		6.972	3.414
	- Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa, Hạng mục: Cải tạo nhà xe thành phòng điều trị Methadone		-		492		3	3
	- Hệ thống cấp cứu 115 tỉnh Khánh Hòa	NT	01/01/2013 - 31/12/2016		13.762		286	286
	- Xây dựng, nâng cấp Trung tâm Y tế dự phòng Nha Trang		-				10	10
	- Công trình: Đội Y tế dự phòng huyện Vạn Ninh; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh		-		929		5	5
14	<b>- Ngành Xã hội</b>				4.786		24	24
	Dự án nhóm C				4.786		24	24
	- Nghĩa trang liệt sỹ Hòn Dung, thành phố Nha Trang		-		4.786		24	24
15	<b>- Ngành Tài nguyên và môi trường</b>				10.251		157	62
	Dự án nhóm C				10.251		157	62
	- PA BTHH Khi nhà nước thu hồi khu đất tại địa chỉ số 01 Phan Bội Châu- Hòn Thuyền		-		10.251		62	62
	- Xây dựng hệ thống quan trắc nước thải tự động Cụm công nghiệp Diên Phú		-					
16	<b>- Ngành Quản lý nhà nước</b>				70.758		8.077	7.356
	Dự án nhóm C				70.758		8.077	7.356
	- Hội trường và khối nhà ăn huyện ủy Khánh Vĩnh		-		8.772		3.000	2.279
	- Xây dựng nhà để xe, sân, tường rào UBND xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	VN	01/01/2015 - 31/12/2015		1.138		405	405
	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh		-		420		4	4
	- Sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Văn hóa tỉnh		-		957		9	9
	- Trụ sở làm việc BQL rừng phòng hộ Vạn Ninh		-				31	31
	- Đền bù GPMB, hỗ trợ, TĐC Khu Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện Cam Lâm		-		26.225		42	42
	- Hội trường UBND phường Ninh Hà	NH	01/01/2015 - 31/12/2015		6.909		3.558	3.558
	- Hạng mục tường rào kẽm gai; nhà thường trực; nhà để xe và cổng tường rào cụm công nghiệp Đắc Lộc - Thành phố Nha Trang		-		2.215		115	115
	- Cải tạo Trụ sở làm việc UBND huyện Trường Sa	CR	01/01/2016 - 31/12/2016		954		908	908
	- Cải tạo sửa chữa Nhà làm việc Sở Kế hoạch và đầu tư Khánh Hòa(vốn bảo trì công sở)		-		999		4	4
	- Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Sở Nội vụ		-		250		1	1

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
<b>17</b>	<b>- Ngành Thủy lợi</b>				<b>3.012.413</b>		<b>82.243</b>	<b>78.917</b>
	<i>Dự án nhóm B</i>				<b>2.870.070</b>		<b>59.115</b>	<b>58.363</b>
	- SC và nâng cao an toàn đập tình KH (WB 8)		-		449.380		1.500	1.500
	- Đề kê chống xói lở hai bờ sông Dinh	NH	01/01/2011 - 31/12/2017		253.772		20.000	20.000
	- Chính trị hạ lưu Sông Tắc và Sông Quán Trường	NT	01/01/2009 - 31/12/2017		287.373		5.846	5.815
	- Kè chống sạt lở bờ Bắc thị trấn DK	DK	01/01/2016 - 31/12/2018		272.245		7.927	7.927
	- Kè Đại Lãnh	VN	01/01/2015 - 31/12/2019		134.966		6.506	6.506
	- Hệ thống kênh nhánh hồ Hoa Sơn		-		147.490		283	283
	- BTGT Hồ chứa nước Tà Rục	CL	01/01/2008 - 31/12/2017		364.000		17.053	16.332
	<i>Dự án nhóm C</i>				<b>142.343</b>		<b>23.128</b>	<b>20.554</b>
	- Đập dâng ông Hoà, thôn Thống Nhất, xã Cam Phước Đông		-		1.956		822	822
	- Hồ chứa nước Ta Lua		-				352	152
	- Kè bảo vệ thị trấn Tô Hạp	KS	01/01/2013 - 31/12/2014		57.429		11.730	11.730
	- Sửa chữa hồ chứa nước Đồng Mộc, huyện Diên Khánh	DK	01/01/2016 - 31/12/2017				2.000	
	- Kè bờ hữu sông Cái Nha Trang tại thôn Phú Vinh, xã Vĩnh Thạnh		-		1.612		68	68
	- Gia cố mương thoát lũ TDP Hoà Bình-Hoà Phước, Phường Cam Nghĩa		-		2.723		2.100	1.770
	- NC tuyến mương B4, thôn Xuân Lập, xã Cam Tân	CL	01/01/2015 -		3.292		1.700	1.700
	- Cổng tràn liên hợp tại Km 1+166 đường số 6, xã Cam Thành Nam		-		3.445		243	243
	- Gia cố chống xói, tiêu lũ suối Hoà Sơn		-		2.081		1.964	1.920
	- Cổng qua đường QL1A và kênh đào từ đập Bà Chúa đến QL 1A		-				3	3
	- SC, Nâng cấp hồ Suối Trầu		-		3.151		103	103
	- Kè bờ tả Sông Trang, thôn Gia Rít		-		2.014		1.906	1.906
	- Đập và kênh mương Dầu Bò, xã Ba Cạm Nam		-		6.967		98	98
	- Nạo vét lòng sông Tắc giai đoạn II và kè bờ tả hạ lưu cầu Bình Tân đến biển		-		3.280		39	39
<b>18</b>	<b>- Ngành Xây dựng</b>				<b>528.473</b>		<b>16.100</b>	<b>10.653</b>
	<i>Dự án nhóm B</i>				<b>414.718</b>		<b>6.539</b>	<b>5.205</b>
	- CSHT Khu công nghiệp Đặc Lộc		01/01/2006 - 31/12/2016		64.086		6.142	5.205
	<i>Dự án nhóm C</i>				<b>113.755</b>		<b>9.561</b>	<b>5.448</b>
	- Nhà ở xã hội Bình Phú		-		34.940		173	173
	- Khu TĐC Gia Lợi	KV	01/01/2016 - 31/12/2017		11.998		4.300	352
	- Khu nhà ở 41 Dương Hiến Quyền		-				12	12
	- Khu tái định cư Diên Toàn, huyện Diên Khánh		-		6.131		32	32
	- Chung cư số 2 Ngô Sỹ Liên		-		8.406		193	193
	- Khu TĐC Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	KV	01/01/2013 - 01/01/2015		14.480		1.604	1.604
	- Khu TĐC Lê Hồng Phong I- Tp Nha Trang		-				50	50
	- Nhà ở Khu TĐC thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	KV	01/01/2016 - 31/12/2017		7.113		3.000	3.000

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Khu tái định cư Suối Hiệp, huyện Diên Khánh		-		5.918		32	32
20	- <b>Ngành Quốc phòng an ninh</b>				12.360		37.522	30.273
	<i>Dự án nhóm B</i>						36.288	29.039
	- Công trình Quốc phòng		-				36.288	29.039
	<i>Dự án nhóm C</i>				12.360		1.234	1.234
	- Xây dựng mới nhà vệ sinh+ nhà tắm cho đơn vị Đại đội 2- Tiểu đoàn 3 và Tiểu đoàn Bộ binh thuộc Lữ đoàn 146 huyện Trường Sa	CR	01/01/2016 - 31/12/2016		1.444		1.234	1.234
B	Khởi công mới				994.490		98.745	102.973
1	- <b>Ngành Nông nghiệp và Lâm nghiệp</b>				129.099		2.073	2.073
	<i>Dự án nhóm B</i>				129.099		2.073	2.073
	- Hệ thống đường phục vụ sx lâm sinh, phát triển và bảo vệ rừng, PCCC rừng Khánh Sơn, Vạn Ninh		01/01/2016 - 31/12/2019		129.099		2.073	2.073
2	- <b>Ngành Giao thông vận tải</b>				187.596		59.876	59.544
	<i>Dự án nhóm B</i>				91.940		8.620	8.620
	- Sửa chữa đường ĐT 653 (Tỉnh lộ 2) Km20+038,40-Km21+004,66		-		1.724		1.330	1.330
	- Sửa chữa đường ĐT 657 Km0+860-Km1+264 (bên phải); Km10+625-Km10+762 (hai bên); Km11+737-Km11+900 (bên trái); Km13+734-Km13+970 (hai bên); Km14+262-Km14+360		-		8.183		7.290	7.290
	<i>Dự án nhóm C</i>				95.656		51.256	50.924
	- Sửa chữa đường ĐT 656 (tỉnh lộ 9) Km38+052-Km38+310-Km42+548-Km42+715; Km48+710-Km49+120; Km50+000-Km52+546; Km52+895-Km53+343		-				3.711	3.711
	- Đường từ đồng cải tạo đến khu sx đồng bảo dân tộc thôn Đá Mài (gđ 2), xã Diên Tân		-		603		420	420
	- Đường từ đất ông Cao Văn Liên vào khu sx đất thôn Cà Thiêu, xã Khánh Hiệp		-		1.116		780	780
	- Sửa chữa đường ĐT 653D (Hương lộ 62) Km0+000-Km1+373		-		3.105		2.840	2.840
	- Sửa chữa đường ĐT 65-30 Km15+628-Km19+830		-		8.379		7.604	7.604
	- Đường từ làng phong dân tộc vào khu sx		-		454		320	320
	- Đường vào khu sx thôn Lỗ Gia, xã Suối Tiên		-		1.134		204	204
	- Nối tiếp đường bê tông đi khu sx APA1	KS	01/01/2015 - 31/12/2015		5.593		192	192
	- Sửa chữa đường Mỹ Ca-Cam An Nam Km1+587-Km1+810; Km4+193-Km4+342; Km4+438-Km5+130		-		3.659		3.460	3.460
	- Đường vào khu sx Suối Chính nổi dài		-		2.381		1.180	1.180
	- Đường từ UBND xã Ba Cạm Bắc đi khu sx Lỗ Ô		-		4.116		2.330	2.246
	- Đường vào Khu sx từ nghĩa địa Ninh Tây đến Suối Chính, xã Ninh Tây		-		2.926		1.300	1.300

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết năm độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết năm độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Sửa chữa đường ĐT 657I (Nguyễn Thất Thành) Km6+440-Km6+591 (bên phải) Km7+316-Km8+413 (bên phải) Km9+076-Km9+981 (bên trái); Km10+000-Km10+444 (bên phải); Km12+102-Km13+366 (bên t		-		13.254		12.002	12.002
	- Gia cố hai đường dẫn lên đầu cầu Suối Ngổ, xã Cam Thịnh Tây, Tp Cam Ranh		-		2.189		550	550
	- Đường vào khu SX Suối Sung, thôn Giồng Cao, xã Khánh Thành (gđ 2)		-		1.111		780	780
	- Sửa chữa đường ĐT 651E (Xuân Sơn) Km5+600-Km6+600		-		2.395		2.260	2.260
	- Sửa chữa đường ĐT 657H (Lê Hồng Phong) Km0+300-Km0+754 (bên phải); Km0+750-Km1+500 (bên trái); Km1+687-Km2+792 (bên phải); Km1+687-Km2+330 (bên trái); Km3+704-Km4+000 (bên phải)		-		5.439		4.731	4.731
	- Đường vào khu sản xuất Gia Nghê thôn Giang Biên, xã Sơn Thái, huyện Khánh Vĩnh		-		1.160		810	810
	- SC, NC đường vào Khu công viên Yangbay-Hocho Km3+960-Km 9+842		-		14.656		4.762	4.514
	- Đường từ đất ông Lê Đình Kháng vào khu sx đất bà Cao Thị Ranh, xã Khánh Trung, gđ 1		-		1.460		1.020	1.020
3	- <b>Ngành Cấp nước và xử lý rác thải, nước thải</b>				<b>29.829</b>		<b>959</b>	<b>879</b>
	<i>Dự án nhóm C</i>				29.829		959	879
	- Hệ thống cấp nước Diên Lộc-Diên Bình-Diên Hòa	DK	01/01/2016 - 31/12/2018		29.829		959	879
4	- <b>Ngành Văn hóa</b>				<b>12.145</b>		<b>2.219</b>	<b>2.219</b>
	<i>Dự án nhóm C</i>				12.145		2.219	2.219
	- Cải tạo sửa chữa Nhà thiếu nhi Khánh Hoà	NT	01/01/2016 - 31/12/2016		7.859		1.419	1.419
	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Trung tâm điện ảnh Khánh Hoà	NT	01/01/2016 - 31/12/2017		4.286		800	800
6	- <b>Ngành Khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin</b>						<b>1.136</b>	<b>761</b>
	<i>Dự án nhóm B</i>						1.136	761
	- Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN		-				1.136	761
7	- <b>Ngành Giáo dục và đào tạo</b>				<b>86.695</b>		<b>7.309</b>	<b>6.066</b>
	<i>Dự án nhóm C</i>				86.695		6.066	6.066
	- Cải tạo dãy nhà lớp học 18 phòng học (2 tầng) trường THPT Phan Bội Châu		-		841		994	994
	- SC Trường Trung cấp nghề Diên Khánh		-		676		599	599
	- Cải tạo dãy nhà lớp học 10 phòng (2 tầng) trường THPT Ngô Gia Tự		-		1.049		991	991
	- Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, huyện VN (gđ 1)		-		39.993		300	300
	- Cải tạo dãy nhà hành chính (3 tầng), khối nhà phòng y tế, kho, phòng học bồi dưỡng trường THPT Hà Huy Tập		-		1.052		794	794
	- Trường THPT Nam Diên Khánh (gđ 1)		-		39.807		200	200

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khối công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khối công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Cải tạo dãy nhà lớp học 08 phòng (2 tầng) + nhà đa năng trường THPT Hoàng Hoa Thám		-		1.097		1.094	1.094
	- Cải tạo dãy nhà lớp học 10 phòng (2 tầng) + nhà lớp học 6 phòng (2 tầng) trường THPT Nguyễn Chí Thanh		-		2.180		1.094	1.094
8	- <b>Ngành Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm</b>				336.595		1.577	1.377
	<i>Dự án nhóm C</i>				13.721		1.577	1.377
	- Sửa chữa, nâng cấp Khu làm việc của Ban Bảo vệ và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh		-		702		27	27
	- Đường vào khu sản xuất tuyến 1A thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây, Tp Cam Ranh		-		5.878		1.350	1.350
9	- <b>Ngành Xã hội</b>				211.558		929	929
	<i>Dự án nhóm C</i>				11.558		929	929
	- SC Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh		-		691		639	639
	- NC, MR CSVC và trang thiết bị Trung tâm bảo trợ xã hội và công tác XH tx Ninh Hoà	NH	01/01/2016 - 31/12/2017		4.999		290	290
10	- <b>Ngành Quản lý nhà nước</b>				7.275		3.977	2.983
	<i>Dự án nhóm QTQG</i>				2.175		1.340	468
	- SC trụ sở làm việc Sở Du lịch		-		2.175		1.040	168
	- SC hệ thống báo cháy tự động và sc lắp đặt hệ thống chữa cháy khu liên cơ 2		-				300	300
	<i>Dự án nhóm C</i>				5.100		2.637	2.515
	- Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Hội LHPN tỉnh		-		600		552	552
	- XD cầu thang nội bộ, bảo trì hệ thống nhà vệ sinh Sở Ngoại vụ		-		231		192	192
	- NC mở rộng văn phòng, HM: kho lưu trữ hồ sơ, cải tạo phòng 1 cửa		-		909		883	883
	- SC bảo trì Khu liên cơ Hội chữa cháy, Hội nhà báo, Hội Văn học Nghệ thuật		-		945		500	378
	- SC, cải tạo NLV Chi cục Văn thư- Lưu trữ		-		565		510	510
11	- <b>Ngành Thủy lợi</b>				329.865		9.037	5.176
	<i>Dự án nhóm B</i>				240.006		4.898	1.037
	- Thoát lũ thôn Tân Lâm(gđ 2)	NH	01/01/2016 - 31/12/2020		240.006		4.898	1.037
	<i>Dự án nhóm C</i>				89.859		4.139	4.139
	- Hệ thống kênh đập dâng Phú Hội	VN	01/01/2016 - 31/12/2016		3.526		3.667	3.667
	- Xử lý sạt lở hạ lưu duỗi tràn xả lũ HCN Đồng Bò		-		499		472	472
12	- <b>Ngành Trồng rừng và chăm sóc rừng</b>				80.166		10.548	10.469
	<i>Dự án nhóm C</i>				80.166		10.548	10.469
	- Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng KV Nam Khánh Vinh giai đoạn 2016-2020	KV	01/01/2016 - 31/12/2020		8.845		1.402	1.402
	- Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng KV Khánh Sơn giai đoạn 2016-2020	KS	01/01/2016 - 31/12/2020		10.634		1.513	1.513

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng KV Bắc Khánh Vĩnh giai đoạn 2016-2020	KV	01/01/2016 - 31/12/2020		11.033		1.164	1.164
	- Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng KV Hòn Bà giai đoạn 2016-2020	DK	01/01/2016 - 31/12/2020		15.362		1.372	1.372
	- Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng KV Vạn Ninh giai đoạn 2016-2020	VN	01/01/2016 - 31/12/2016		11.729		1.842	1.842
	- Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh giai đoạn 2016-2020		-		1.013		220	220
	- Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng KV Ninh Hoà giai đoạn 2016-2020	NH	01/01/2016 - 31/12/2020		1.999		171	171
	- Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Cam Lâm giai đoạn 2016-2020		-		1.900		100	84
	- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Khánh Vĩnh GD 2016 - 2020		-					
	- Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng KV Cam Lâm- Cam Ranh giai đoạn 2016-2020	CL-CR	01/01/2016 - 31/12/2020		12.152		1.871	1.871
	- Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Sơn giai đoạn 2016-2020		-		5.499		893	830
<b>13</b>	<b>KHÁC</b>							<b>10.497</b>
	- Công trình phòng thủ							6.500
	- Cấp bù lãi suất							3.997
	- Trả nợ vốn vay							
	- Hỗ trợ cấp huyện xây dựng nông thôn mới							
	- Sửa chữa cầu treo huyện KS(cấp bs huyện)							
	- Bổ sung có mục tiêu theo địa bàn							
<b>II</b>	<b>NGUỒN VAY KHO BẠC</b>					27.548	853.691	589.345
<b>A</b>	<b>Chuyển tiếp</b>					27.548	853.691	589.345
<b>I</b>	<b>- Ngành Giao thông vận tải</b>				753.089		826.262	584.962
	<i>Dự án nhóm B</i>				753.089		826.262	584.962
	- Đường cắt hạ cánh số 2 - Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	CR	01/01/2015 - 31/12/2019				319.334	122.206
	- Đường Nha Trang đi Đà Lạt(CBQ-Cầu Lũng)	NT	01/01/2014 - 31/12/2018				366.269	332.976
	- Phương án tổng thể về BTGT, hỗ trợ và TĐC dự án đường nối Nha Trang-DK(gđ 1)	NT	01/01/2014 - 31/12/2016				8.306	3.685
	- Đường Phong Châu	NT	01/01/2014 - 31/12/2017		753.089		132.353	126.095
<b>2</b>	<b>- Ngành Thủy lợi</b>				285.379		25.888	2.842
	<i>Dự án nhóm B</i>				285.379		25.888	2.842
	- Hệ thống Thoát lũ từ cầu Phú Vinh về đầu Sông Tắc	NT	01/01/2011 - 31/12/2016		285.379		25.888	2.842
<b>3</b>	<b>- Ngành Xây dựng</b>				34.740	27.548	1.541	1.541
	<i>Dự án nhóm C</i>				34.740	27.548	1.541	1.541
	- KTĐC tại xã Vinh Hiệp và xã Vinh Trung, TP NT		-				875	875
	- KTĐC tại xã Diên An và xã Diên Toàn, huyện DK		-		34.740	27.548	666	666
<b>B</b>	<b>Khởi công mới</b>							
<b>III</b>	<b>NGUỒN VỐN TÍN DỤNG</b>						9.175	9.175

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
A	<b>Chuyển tiếp</b>						9.175	9.175
1	- <b>Ngành Thủy lợi</b>						9.175	9.175
	Dự án nhóm B						9.175	9.175
	- Hệ thống Thoát lũ từ cầu Phú Vinh về đầu Sông Tắc	NT	01/01/2011 - 31/12/2016				9.175	9.175
B	<b>Khởi công mới</b>							
IV	<b>NGUỒN VỐN XSKT</b>						691.454	158.852
A	<b>Chuyển tiếp</b>						627.953	134.761
5	- <b>Ngành Văn hóa</b>						952	952
	Dự án nhóm C						952	952
	- Quảng trường bờ biển thành phố Cam Ranh		-					
	- Tôn tạo khu lưu niệm di tích tàu C235	NH	01/01/2015 - 31/12/2016				952	952
6	- <b>Ngành Thể dục, thể thao</b>						42.894	30
	Dự án nhóm B						42.894	30
	- Trung tâm HLTT Khánh Hòa		-				42.894	30
7	- <b>Ngành Giáo dục và đào tạo</b>						103.631	71.348
	Dự án nhóm B						53.727	21.992
	- BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐ Sư Phạm Nha Trang	NT	01/01/2012 - 31/12/2017				2.660	2.579
	- CSHT khu DVHC nghề cá Bắc Hòn Ông	NT	01/01/2006 - 31/12/2018				47.013	19.376
	- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp		-				37	37
	Dự án nhóm C						49.904	49.356
	- Mầm non Vinh Phương		-				1.220	1.213
	- Trường MN Cam Nghĩa, HM: XM 04 phòng học và khối phòng học chức năng		-				2.400	2.135
	- Xây dựng các nhà tiên chế để tiếp nhận trang thiết bị dạy nghề và xưởng thực hành	NT	01/01/2015 - 31/12/2015				2.200	2.200
	- Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở PGD và Đào Tạo Khánh Vĩnh		-				290	290
	- Mầm non Ngô Thời Nhiệm		-				4.968	4.946
	- Trường MN 2/4 HM: XM 08 phòng học		-				2.900	2.808
	- Xây dựng 02 phòng học và phòng chức năng Trường mầm non Ninh Thượng		-				44	44
	- Mầm non Ninh Bình		-				3.099	3.099
	- Mầm non Suối Tiên		-				177	177
	- Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu, xã Vinh Trung, Tp. Nha Trang		-				2.702	2.686
	- Mầm non Ninh Lộc		-				4.437	4.437
	- Mầm non Diên Bình		-				432	432
	- Mẫu giáo Sơn Ca		-				765	765
	- Trường MN Diên Hòa		-				80	80
	- Xây dựng 05 phòng học và phòng chức năng Trường Mầm non Ninh Trung, tx Ninh Hòa		-				107	107
	- Mầm non Ninh Hải		-				2.000	2.000
	- Mầm non Sao Mai		-				3.034	3.034
	- Mẫu giáo Vàng Anh		-				3.854	3.854
	- Bảo trì công trình các Trường tiểu học và THCS (năm 2015), thị xã Ninh Hòa		-				82	82

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Mẫu giáo Vạn Phước		-				4.600	4.552
	- Mẫu giáo Hoa Hồng		-				1.670	1.670
	- Mẫu giáo Hoa Hồng		-				1.500	1.500
	- Mẫu giáo Vạn Bình		-				1.094	1.094
	- Mầm non Vĩnh Thạnh		-				2.000	2.000
	- Trường MN Cam Phú HM: XM 04 phòng học và phòng chức năng		-				3.776	3.678
	- Nghề trọng điểm của Trường CĐ Nghề NT	NT	01/01/2011 - 31/12/2015				473	473
8	- <i>Ngành Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm</i>						84.492	62.376
	<i>Dự án nhóm B</i>						16.523	15.241
	- Bệnh viện đa khoa Nha Trang	NT	01/01/2016 - 31/12/2018				1.980	1.311
	- Bệnh viện đa khoa khu vực Cam Ranh	CR	01/01/2008 - 31/12/2017				1.071	834
	- BVĐK Cam Lâm	CL	01/01/2008 - 31/12/2014				7.946	7.816
	- Hỗ trợ xử lý chất thải BVĐK tỉnh Khánh Hoà	NT	01/01/2015 - 31/12/2017				852	668
	- Nâng cấp Bệnh viện Lao và Phổi	NT	01/01/2009 - 31/12/2014				974	974
	- Nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa tâm thần	DK	01/01/2009 - 31/12/2014				3.700	3.638
	<i>Dự án nhóm C</i>						67.969	47.135
	- Công trình: Đội Y tế dự phòng huyện Vạn Ninh; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh		-					
	- Hỗ trợ xử lý chất thải BVĐK huyện Diên Khánh	DK	01/01/2015 - 31/12/2017				385	340
	- Hỗ trợ xử lý chất thải BV Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	NT	01/01/2015 - 31/12/2017				262	226
	- Hệ thống cấp cứu 115 tỉnh Khánh Hòa	NT	01/01/2013 - 31/12/2016				1.707	1.707
	- Trạm y tế Liên Sang		-				377	377
	- Xây dựng và cải tạo, nâng cấp 25 trạm y tế xã, phường		01/01/2014 - 31/12/2017				21.911	21.911
	- Cải tạo nâng cấp BVĐK DK(cũ) thành BV nhiệt đới(gdI)	NT	01/01/2014 - 31/12/2015				10.974	10.953
	- Bệnh viện đa khoa Vạn Ninh		-				875	875
	- PKĐKKV Cam An Nam	CL	01/01/2015 - 31/12/2017				9.753	9.514
	- Hỗ trợ xử lý chất thải BVĐK KV Ninh Hoà	NH	01/01/2015 - 31/12/2017				554	454
	- Hỗ trợ xử lý chất thải BVĐK KV Cam Ranh	CR	01/01/2015 - 31/12/2017				393	343
	- Đối ứng dự án Hỗ trợ Y tế duyên hải NTB(ODA)		-				20.749	435
9	- <i>Ngành Thủy lợi</i>						50.182	55
	<i>Dự án nhóm B</i>						50.182	
	<i>Dự án nhóm C</i>							55
	- Hồ chứa nước Ta Lua		-					55
B	<i>Khởi công mới</i>						63.501	24.089
I	- <i>Ngành Văn hóa</i>						8.200	8.200
	<i>Dự án nhóm C</i>						8.200	8.200
	- Cải tạo sửa chữa Nhà thiếu nhi Khánh Hoà	NT	01/01/2016 - 31/12/2016				6.000	6.000

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Trung tâm điện ảnh Khánh Hoà	NT	01/01/2016 - 31/12/2017				2.200	2.200
2	- <i>Ngành Thể dục, thể thao</i>						1.000	1.000
	<i>Dự án nhóm C</i>						1.000	1.000
	- Sửa chữa nhà thi đấu 33 Phan Chu Trinh	NT	01/01/2016 - 31/12/2016				1.000	1.000
3	- <i>Ngành Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm</i>						51.301	11.890
	<i>Dự án nhóm B</i>						43.950	4.544
	- Bệnh viện Ung Bướu	NT	01/01/2016 - 31/12/2020				12.600	2.093
	- Xây mới 2 phòng mổ tim, phòng hồi sức cấp cứu sau mổ tim và cải tạo các phòng mổ, hồi sức sau mổ; hệ thống cung cấp điện cho BVĐK Khánh Hoà	NT	01/01/2016 - 31/12/2018				24.050	1.416
	- Cải tạo, nâng cấp BVĐK Diên Khánh(cũ) thành BV Nhiệt đới(gđ 2)	DK	01/01/2016 - 31/12/2019				7.300	1.035
	<i>Dự án nhóm C</i>						7.351	7.346
	- Trạm y tế Suối Tiên		-				270	270
	- Trạm y tế Vạn Phước		-				161	161
	- PKĐKKV Suối Tân		-				829	829
	- Đội y tế dự phòng Vạn Ninh		-				501	501
	- Bệnh viện Sản nhi		-				5	
	- Xây nhà chứa rác thuộc công trình Trung tâm y tế Khánh Vĩnh		-				153	153
	- PKĐKKV Cam Phúc Bắc		-				373	373
	- Trạm y tế Vạn Thạnh		-				418	418
	- Bệnh viện y học cổ truyền & Phục hồi chức năng; Hạng mục: Cải tạo sân thượng bệnh viện để làm phòng là việc (Vốn sửa chữa 2016); Phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang		-				388	388
	- SC cơ sở điều trị Methadon(TTYT Cam Ranh)		-				279	279
	- BVĐKKV Ninh Hoà		-				352	352
	- Xây dựng Tường rào thuộc công trình Trạm Y tế xã Ninh Phụng (Vốn sửa chữa 2016)		-				329	329
	- BVĐK huyện Khánh Sơn		-				713	713
	- Trạm y tế Ninh Thọ		-				491	491
	- Sửa chữa Hệ thống xử lý nước thải thuộc công trình Trung tâm Phòng chống HIV-AIDS (vốn sửa chữa năm 2016)		-				187	187
	- Trung tâm kiểm nghiệm		-				194	194
	- Phân Trạm y tế Hòn Rớ		-				272	272
	- Trung tâm DSKHHGD Diên Khánh		-				187	187
	- Phân Trạm y tế Bích Đàm		-				463	463
	- Trung tâm PHCN-GDTEKT		-				786	786
4	- <i>Ngành Xã hội</i>						3.000	2.999
	<i>Dự án nhóm C</i>						3.000	2.999
	- NC, MR CSVC và trang thiết bị Trung tâm bảo trợ xã hội và công tác XH tx Ninh Hoà	NH	01/01/2016 - 31/12/2017				3.000	2.999
V	<b>NGUỒN SD ĐẤT THIÊN TRIỀU</b>						147.712	146.207
A	<b>Chuyển tiếp</b>						147.712	146.208
I	- <i>Ngành Giao thông vận tải</i>						1.678	1.678
	<i>Dự án nhóm C</i>						1.678	1.678

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết năm độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết năm độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Đường Phạm Văn Đồng(đền bù hộ Nguyễn Văn Huynh)		-				466	466
	- Tuyến đường từ QL 1A vào cụm chăn nuôi Khatoco	NH	01/01/2012 - 31/12/2015				20	20
	- Xử lý gia cố mái taluy nguy cơ sạt lở Khánh Lê LĐồng		-				135	135
	- Đường Tỉnh lộ 2 (ĐT. 653) đoạn từ cầu Hà Dừa đến cầu Đồi huyện Diên Khánh		-				895	895
	- Hệ thống tuyến đường nhánh Khu DL. Bắc BĐ Cam Ranh(phần 1/2 phía Nam)		-				162	162
<b>2</b>	<b>- Ngành Hạ tầng xã hội</b>						<b>54.142</b>	<b>52.703</b>
	<i>Dự án nhóm B</i>						<i>54.121</i>	<i>52.682</i>
	- Tôn tạo cảnh quan danh lam thắng cảnh khu vực đồi Trại Thủy	NT	01/01/2014 - 31/12/2016				10.121	9.888
	- CSHT khu dân cư Tô 32-33 Vĩnh Thọ, TP NT	NT	01/01/2014 - 31/12/2016				44.000	42.794
	<i>Dự án nhóm C</i>						<i>21</i>	<i>21</i>
	- Cơ sở hạ tầng tái định cư Hòn Đò		-				21	21
<b>3</b>	<b>- Ngành Cấp nước và xử lý rác thải, nước thải</b>						<b>64.078</b>	<b>64.078</b>
	<i>Dự án nhóm A</i>						<i>20.271</i>	<i>20.271</i>
	- Cải thiện VSMT Nha Trang	NT	01/01/2007 - 31/12/2014				20.271	20.271
	<i>Dự án nhóm B</i>						<i>20.351</i>	<i>20.351</i>
	- Phát triển đô thị vừa và nhỏ(vốn đối ứng)	NH-CR	01/01/2009 - 31/12/2014				20.351	20.351
	<i>Dự án nhóm C</i>						<i>23.456</i>	<i>23.456</i>
	- Xử lý thoát nước Khu vực cửa xã đường Đặng Tất- Tp Nha Trang	NT	01/01/2014 - 31/12/2015				23.456	23.456
<b>4</b>	<b>- Ngành Thông tin và truyền thông</b>						<b>650</b>	<b>650</b>
	<i>Dự án nhóm C</i>						<i>650</i>	<i>650</i>
	- Hệ thống hội nghị giao ban trực tuyến		-				650	650
<b>5</b>	<b>- Ngành Giáo dục và đào tạo</b>							
	<i>Dự án nhóm C</i>							
	- Nghề trọng điểm của Trường CĐ Nghề NT	NT	01/01/2011 - 31/12/2015					
<b>6</b>	<b>- Ngành Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm</b>						<b>12.282</b>	<b>12.217</b>
	<i>Dự án nhóm B</i>						<i>12.282</i>	<i>12.217</i>
	- Bệnh viện đa khoa khu vực Cam Ranh	CR	01/01/2008 - 31/12/2017				12.282	12.217
	<i>Dự án nhóm C</i>							
	- Bệnh viện Da liễu tỉnh Khánh Hòa, HM: Cải tạo hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, Di dời tủ điện rỗng, thay mới đường dây điện tổng của 3 HM, Xây mới lại đoạn tường rào bị đổ		-					
<b>7</b>	<b>- Ngành Quản lý nhà nước</b>						<b>30</b>	<b>30</b>
	<i>Dự án nhóm C</i>						<i>30</i>	<i>30</i>
	- Nhà khách tỉnh 25 Phan Chu Trinh ( mới )		-				3	3
	- Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và PTNN, HM: Sơn nước toàn bộ tường ngoài nhà		-				2	2
	- Trại thực nghiệm giống cây trồng Suối Dầu		-				4	4

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết niên độ 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ 2016	Quyết toán năm 2016
	- Tăng cường năng lực kiểm định CLCTXD		-				21	21
8	- <b>Ngành Thủy lợi</b>						14.223	14.223
	<i>Dự án nhóm B</i>						12.559	12.559
	- Chính trị hạ lưu Sông Tắc và Sông Quán Trường	NT	01/01/2009 - 31/12/2017				12.000	12.000
	- HCN Tiên Du		-				320	320
	- SC nâng cấp hồ chứa nước Đá Đen	Vạn Ninh	-				239	239
	<i>Dự án nhóm C</i>						1.664	1.664
	- Kè bảo vệ thị trấn Tô Hạp	KS	01/01/2013 - 31/12/2014				1.600	1.600
	- Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang		-				32	32
	- SC, Nâng cấp hồ Láng Nhót		-				15	15
	- Kênh tiêu thoát lũ hạ lưu tràn xả lũ HCN Am Chúa		-				17	17
9	- <b>Ngành Xây dựng</b>						443	443
	<i>Dự án nhóm B</i>						140	140
	- CSHT khu dân cư Đất Lành		-				140	140
	<i>Dự án nhóm C</i>						303	303
	- KTĐC tại xã Diên An và xã Diên Toàn, huyện DK		-				282	282
	- Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở tổ 37 Hòn Chông-phường Vĩnh Phước		-				21	21
10	- <b>Ngành Quốc phòng an ninh</b>						186	186
	<i>Dự án nhóm B</i>						61	61
	- Công trình Quốc phòng		-				61	61
	<i>Dự án nhóm C</i>						125	125
	- Sửa chữa nâng cấp nhà thư viện; xây mới hệ thống thoát nước mặt và nền sân xung quanh Thư viện; nhà để xe ô tô và xe máy; xây dựng mới nhà vệ sinh và nhà tắm đơn vị 2 tiểu đoàn 3 và tiểu đoàn 862		-				43	43
	- BS có mục tiêu dự án Sa bàn nhà truyền thống huyện T.Sa		-				82	82
B	Khởi công mới							
VI	<b>NGUỒN VỐN QUỸ ĐẤT VÀ KHÁC</b>						111.492	85.534
A	<b>Chuyển tiếp</b>						111.492	85.533
1	- <b>Ngành Công nghiệp</b>						5.871	5.814
	<i>Dự án nhóm C</i>						5.871	5.814
	- BT, HT và TĐC dự án đầu tư CSHT nhà máy bia Sài Gòn tại cụm CN Diên Phú	DK	01/01/2015 - 31/12/2015				5.871	5.814
2	- <b>Ngành Giao thông vận tải</b>						9.438	335
	<i>Dự án nhóm B</i>						9.438	335
	- Đường Phong Châu	NT	01/01/2014 - 31/12/2017				3.767	295
	- NC Hương lộ 39(gđ 1: đoạn từ ngã giao với đường Diên Khánh- Khánh Vĩnh đến giáp đường dẫn cầu Phú Cốc)	DK	01/01/2011 - 31/12/2016				165	40
3	- <b>Ngành Hạ tầng xã hội</b>						72.615	70.312
	<i>Dự án nhóm B</i>						70.184	68.449
	- CSHT Kỹ thuật khu TĐC Hòn Ró II	NT	01/01/2014 - 31/12/2016				25.000	25.000
	- Khu TĐC Phước Hạ, xã Phước Đông(gđ 1-3,1 ha)	NT	01/01/2014 - 31/12/2018				24.621	24.026

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết năm 2016	Đã thanh toán từ khởi công đến hết năm 2016	Quyết toán năm 2016
	- CSHT Khu dân cư Đường Đệ	NT	01/01/1999 - 31/12/2016				11.696	11.599
	- Tôn tạo cảnh quan danh lam thắng cảnh khu vực đồi Trại Thủy	NT	01/01/2014 - 31/12/2016				67	67
	- CSHT khu DC và TĐC Ninh Thủy		01/01/2010 - 31/12/2012				8.800	7.757
	- Khu TĐC Lê Hồng Phong III	NT						
	<i>Dự án nhóm C</i>						2.431	1.863
	- GPMB khu TĐC Hòn Rớ II	NT	01/01/2012 - 31/12/2016				2.431	1.863
<b>3</b>	<b>- Ngành Xây dựng</b>						<b>14.383</b>	<b>9.072</b>
	<i>Dự án nhóm B</i>						14.339	9.043
	- Khu TĐC Xóm Quán	NH	01/01/2010 - 31/12/2020					
	- HT hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và tái định cư N3 xã Cẩm Hải Đông - huyện Cẩm Lâm - tỉnh KH		-				273	273
	- BT, HT, và TĐC phần đất công cộng(20m dọc ĐL Nguyễn Tất Thành và 30m ven biển) và phần đất đường phân ranh các dự án tại KDL BBĐ CR	CL	01/01/2013 - 31/12/2016				11.970	7.074
	- Xây dựng CSHT khu TĐC Ngọc Hiệp		01/01/2016 - 31/12/2020				2.096	1.696
	<i>Dự án nhóm C</i>						44	29
	- Chung cư 192 Dã Tượng		-				3	3
	- Chung cư 89 Trần Phú		-				41	26
	BTHT và TĐC dự án MR QL 1A(phần qua ĐT NS tính trả)							
	Chưa phân bổ							
<b>VII</b>	<b>VỐN KHÁC</b>						<b>30.828</b>	<b>23.517</b>
<b>A</b>	<b>Chuyển tiếp</b>						14.732	9.225
<b>2</b>	<b>- Ngành Giao thông vận tải</b>						14.732	9.225
	<i>Dự án nhóm B</i>						14.732	9.225
	- HT đường nhánh khu DLBBĐCR 1/2 phía bắc(gđ 1)		-				14.732	9.225
<b>B</b>	<b>Khởi công mới</b>						16.096	14.292
<b>1</b>	<b>- Ngành Giao thông vận tải</b>						10.000	8.196
	<i>Dự án nhóm C</i>						10.000	8.196
	- Hạ tầng Bến xe liên tỉnh phía Nam	DK	01/01/2016 - 31/12/2017				10.000	8.196
<b>2</b>	<b>- Ngành Xã hội</b>						4.312	4.312
	<i>Dự án nhóm C</i>						4.312	4.312
	- Cải tạo nâng cấp CLB Hưu Trí tỉnh KH		01/01/2016 - 31/12/2016				4.312	4.312
<b>3</b>	<b>- Ngành Quản lý nhà nước</b>						1.784	1.784
	<i>Dự án nhóm C</i>						1.784	1.784
	- Cải tạo Trụ sở làm việc BQLDA PT tỉnh	NT	01/01/2016 - 31/12/2016				1.784	1.784
<b>VIII</b>	<b>NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG</b>						<b>620.873</b>	<b>372.664</b>
<b>A</b>	<b>Chuyển tiếp</b>						455.256	323.839
<b>1</b>	<b>- Ngành Giao thông vận tải</b>						263.767	172.259
	<i>Dự án nhóm B</i>						254.402	163.337
	- Đường Phạm Văn Đồng(D2)-huyện CL	CL	01/01/2013 - 31/12/2015				47	47
	- Đường giao thông đến nhà máy đóng tàu STX		-				1.367	1.078
	- Cải tuyến Tỉnh lộ 1B-đoạn từ Hyundai Vinashin đến Ninh Tịnh, thị xã Ninh Hòa	NH	01/01/2014 - 31/12/2018				146.895	85.856

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CHO CÁC DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA,  
VÀ CÁC MỤC TIÊU NHIỆM VỤ MỤC TIÊU KHÁC DO ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung chi	Quyết toán năm 2016	Chia ra	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
A	B	8=9+12		
	<b>Tổng số</b>	<b>380.775</b>	<b>372.664</b>	<b>8.111</b>
<b>I</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>1.502</b>	<b>0</b>	<b>1.502</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa	607	0	607
2	Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo	246	0	246
3	Chương trình mục tiêu việc làm	381	0	381
4	Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới	268	0	268
<b>II</b>	<b>Một số mục tiêu, nhiệm vụ khác</b>	<b>379.273</b>	<b>372.664</b>	<b>6.609</b>
1	CTMT Phát triển lâm nghiệp bền vững	7.467	6.999	468
2	CTMT tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	50.994	50.994	0
3	CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động	558	0	558
4	CTMT Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	3.430	3.330	100
5	CTMT Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, Phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy năm 2016	720	0	720
6	CTMT y tế và dân số	11.763	7.000	4.763
7	CTMT Phát triển văn hóa	0	0	0
8	CTMT đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương	35	35	0
9	CTMT quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm	4.850	4.850	0
10	CTMT đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	173.238	173.238	0
11	CT phát triển KT-XH các vùng	90.220	90.220	0
12	Đầu tư hạ tầng huyện mới chia tách	171	171	0
13	CT củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển và hệ thống đê sông	174	174	0
14	Hỗ trợ dự án cấp bách khác của địa phương - Chính trị hạ lưu sông Tắc - sông Quán Trường	500	500	0
15	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW - Kè dọc tuyến đường số 1 sông Cái và sông Suối Dầu - Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm	25.857	25.857	0
		20.000	20.000	0
		5.857	5.857	0
16	KP khắc phục thiệt hại cho địa phương do bão số 3 xảy ra từ ngày 31/10 đến 5/11 năm 2015	9.296	9.296	0

**QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH  
CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2016**

*Kèm theo Quyết định số 4066/QĐ-UBND ngày 23 / 12 / 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng thu NSNN trên địa bàn huyện theo phân cấp	Tổng chi ngân sách huyện	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện		
				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
	<b>Tổng số</b>	<b>11.530.348</b>	<b>6.197.846</b>	<b>2.567.582</b>	<b>898.205</b>	<b>1.669.377</b>
1	Thành phố Nha Trang	4.565.338	2.432.645	139.866	1.618	138.248
2	Thành phố Cam Ranh	380.434	606.618	310.074	131.769	178.305
3	Thị xã Ninh Hòa	5.795.552	904.781	582.015	204.729	377.286
4	Huyện Vạn Ninh	123.472	504.523	365.331	131.681	233.650
5	Huyện Diên Khánh	370.133	660.588	362.799	102.813	259.986
6	Huyện Cam Lâm	235.789	441.286	255.136	111.803	143.333
7	Huyện Khánh Vĩnh	49.623	386.520	297.148	123.125	174.023
8	Huyện Khánh Sơn	10.007	241.385	235.713	90.667	145.046
9	Huyện Trường Sa		19.500	19.500		19.500

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN SÁCH  
TỈNH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số 4066/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: %

TT	Xã, phường, thị trấn	CÁC KHOẢN THU TRONG CÁN ĐỐI										THU NGOÀI CÁN ĐỐI					
		Thu từ khu vực CTN NQD (Cục thuế thu)					Thu từ khu vực CTN NQD (Chủ cơ thuế thu)					Thu viện trợ	Thu phí và lệ phí	Thu khác			
		Thuế GTGT, TNDN, TTBB	Thuế tài nguyên	Thuế môn bài	Thu khác	Thuế GTGT, TNDN, TTBB	Thuế tài nguyên	Thuế môn bài	Thu khác	Lệ phí trước bạ nhà đất	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				Thuế nhà đất	Thu phí và lệ phí đất	Thu tiên sử dụng đất do UBND tỉnh quyết định giao đất
1	Thành phố Nha Trang	8	100	100	100	100	77	100	100	100	100	100	10	100	100	100	100
2	Thành phố Cam Ranh	77	100	100	100	100	77	100	100	100	100	100	10	100	100	100	100
3	Thị xã Ninh Hòa	77	100	100	100	100	77	100	100	100	100	100	10	100	100	100	100
4	Huyện Vạn Ninh	77	100	100	100	100	77	100	100	100	100	100	10	100	100	100	100
5	Huyện Diên Khánh	77	100	100	100	100	77	100	100	100	100	100	10	100	100	100	100
6	Huyện Cam Lâm	77	100	100	100	100	77	100	100	100	100	100	10	100	100	100	100
7	Huyện Khánh Vĩnh	77	100	100	100	100	77	100	100	100	100	100	10	100	100	100	100
8	Huyện Khánh Sơn	77	100	100	100	100	77	100	100	100	100	100	10	100	100	100	100



TT	Xã, phường, thị trấn	CÁC KHOẢN THU TRONG CÁN ĐÓI										THU NGOÀI CÁN ĐÓI						
		Thu từ tổ chức sản xuất hàng hóa dịch vụ					CHI CỤC THUẾ THU					Thu viện trợ ngân sách huyện	Thu viện trợ ngân sách huyện	Thu khác ngân sách xã	Thu khác ngân sách xã			
		Thuế GTGT, TNDN, TTDB	Thuế tài nguyên	Thuế môn bài	Thuế GTGT, TNDN, TTDB	Thuế tài nguyên	Thuế GTGT, TNDN, TTDB	Thuế môn bài	Thuế khác	Thuế GTGT, TNDN, TTDB	Thuế tài nguyên					Thuế khác		
12	Xã Cam Thịnh Tây	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
13	Xã Cam Thịnh Đông	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
14	Xã Cam Lập	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
15	Xã Cam Bình	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
III	Huyện Vạn Ninh																	
1	Thị Trấn Vạn Giã	77	100	100	77	100	100	100	36	100	0	100	0	100	0	100	100	100
2	Xã Đại Lãnh	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
3	Xã Vạn Phước	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
4	Xã Vạn Long	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
5	Xã Vạn Bình	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
6	Xã Vạn Thọ	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
7	Xã Vạn Khánh	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
8	Xã Vạn Phú	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
9	Xã Vạn Lương	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
10	Xã Vạn Thắng	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
11	Xã Vạn Thành	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
12	Xã Xuân Sơn	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
13	Xã Vạn Hưng	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
IV	Thị xã Ninh Hòa																	
1	Thị Trấn Ninh Hòa	77	100	100	77	100	100	100	66	100	0	100	0	100	0	100	100	100
2	Xã Ninh Sơn	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
3	Xã Ninh Tây	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
4	Xã Ninh Thượng	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
5	Xã Ninh An	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
6	Xã Ninh Hải	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
7	Xã Ninh Thọ	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
8	Xã Ninh Trung	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
9	Xã Ninh Sơn	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
10	Xã Ninh Xuân	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
11	Xã Ninh Tân	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
12	Xã Ninh Diêm	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
13	Xã Ninh Đông	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
14	Xã Ninh Thủy	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
15	Xã Ninh Đa	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
16	Xã Ninh Phú	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
17	Xã Ninh Bình	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
18	Xã Ninh Phước	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
19	Xã Ninh Phú	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
20	Xã Ninh Tân	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
21	Xã Ninh Quang	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
22	Xã Ninh Giang	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
23	Xã Ninh Hà	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
24	Xã Ninh Hưng	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
25	Xã Ninh Lộc	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
26	Xã Ninh Lạc	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
27	Xã Ninh Vao	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
V	Huyện Diên Khánh																	
1	Thị Trấn Diên Khánh	77	100	100	77	100	100	100	46	100	0	100	0	100	0	100	100	100
2	Xã Diên Lâm	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
3	Xã Diên Điền	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
4	Xã Diên Xuân	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100
5	Xã Diên Sơn	77	100	100	77	100	100	100	0	100	0	100	0	100	0	100	100	100

TT	Xã, phường, thị trấn	CÁC KHOẢN THU TRONG CÁN ĐÓI										THUNG HOẠT CÁN ĐÓI					
		Thu từ tổ chức sản xuất hàng hóa dịch vụ					CHI CỤC THUẾ THU					Thu viện trợ ngân sách huyện	Thu phí và lệ phí xã	Thu khác ngân sách xã			
		CỤC THUẾ THU		Thuế GTGT, TNDN, TTDB	Thuế tài nguyên	Thuế khác	Thuế GTGT, TNDN, TTDB	Thuế tài nguyên	Thuế môn bài	Thu khác	Thuế GTGT, TNDN, TTDB từ sản xuất hàng hóa dịch vụ				Lệ phí trước bạ kháng phát nhà đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thu phí và lệ phí huyện (Trừ phí BHYT đối với nước ngoài)
		Thuế GTGT, TNDN, TTDB	Thuế tài nguyên														
6	Xã Điện Đông	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
7	Xã Điện Phú	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
8	Xã Điện Thọ	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
9	Xã Điện Phước	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
10	Xã Điện Lạc	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
11	Xã Điện Tân	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
12	Xã Điện Hòa	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
13	Xã Điện Thành	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
14	Xã Điện Toàn	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
15	Xã Điện An	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
16	Xã Điện Bình	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
17	Xã Điện Lạc	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
18	Xã Suối Hiệp	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
19	Xã Suối Tiên	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
VI Huyện Cam Lâm																	
1	Thị trấn Cam Đức	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
2	Xã Cam Tân	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
3	Xã Cam Hòa	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
4	Xã Cam Hải Đông	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
5	Xã Cam Hải Tây	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
6	Xã Sơn Tân	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
7	Xã Cam Hiệp Bắc	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
8	Xã Cam Hiệp Nam	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
9	Xã Cam Phước Tây	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
10	Xã Cam Thành Bắc	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
11	Xã Cam An Bắc	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
12	Xã Cam An Nam	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
13	Xã Suối Cát	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
14	Xã Suối Tân	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
VII Huyện Khánh Vĩnh																	
1	Thị trấn Khánh Vĩnh	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
2	Xã Sông Cầu	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
3	Xã Giang Ly	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
4	Xã Liên Sang	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
5	Xã Khánh Nam	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
6	Xã Khánh Trung	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
7	Xã Khánh Đông	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
8	Xã Khánh Hiệp	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
9	Xã Khánh Bình	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
10	Xã Cầu Bà	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
11	Xã Khánh Thượng	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
12	Xã Sơn Thái	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
13	Xã Khánh Thành	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
14	Xã Khánh Phú	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
VIII Huyện Khánh Sơn																	
1	Thị trấn Tô Hạp	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
2	Xã Sơn Lâm	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
3	Xã Sơn Bình	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
4	Xã Sơn Hiệp	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
5	Xã Sơn Trung	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
6	Xã Ba Cùm Nam	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	
7	Xã Ba Cùm Bắc	77	100	100	77	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	

TT	Xã, phường, thị trấn	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐÓI										THU NGOÀI CÂN ĐÓI									
		Thu từ tổ chức sản xuất hàng hóa dịch vụ										Thu viện trợ ngân sách huyện	Thu phí và lệ phí ngân sách xã								
		CỤC THUẾ THU					CHI CỤC THUẾ THU														
		Thuế GTGT, TNDN, TIBB	Thuế tài nguyên	Thuế môn bài	Thuế GTGT, TNDN, TIBB	Thuế tài nguyên	Thuế môn bài	Thu khác	Thuế GTGT, TNDN, TIBB	Thuế tại nguyên	Thuế môn bài	Thu khác	Lệ phí trước bạ không phải nhà đất	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	Thu phí và lệ phí tỉnh và huyện (Trừ phí BHYT đối với nước ngoài NT)	Thu tiền sử dụng đất do UBND huyện ra QĐ	Trên thuế mặt đất, mặt nước	Thu khác ngân sách huyện	Thu viện trợ ngân sách huyện	Thu phí và lệ phí ngân sách xã	Thu khác ngân sách xã
8	Xã Thành Sơn	77	100	100	77	100	100	100	100	100	100	100	100	0	100	0	100	100	100	100	100